

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2018/HS-ST
Ngày: 12 - 6 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀNG ĐỊNH TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Khi

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Đàm Thiệu Phương.

Ông Lăng Văn Phất.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Việt Hùng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Trường Sinh- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 16/2018/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Lương Văn G, sinh ngày 10 tháng 9 năm 1997 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn C và bà Lô Thị E; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có; nhân thân: Chưa có án tích; bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/12/2017 đến nay, có mặt.

2. Lương Minh H, sinh ngày 05 tháng 01 năm 1997 tại huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở hiện nay: Thôn M, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: Lớp 12/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương Văn T và bà Trần Thị H; vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không có;

nhân thân: Chưa có án tích; bị cáo bị bắt tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn từ ngày 25/12/2017 đến nay, có mặt.

- *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan*: Ông Lương Văn C, sinh năm 1970; địa chỉ: Thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- *Người làm chứng*: Anh Lê Văn T, sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 16 giờ 00 phút, ngày 25/12/2017, tại khu vực đầu cầu K thuộc thôn N, xã C, tổ công tác Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn phát hiện Lương Văn G đang điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 12T1-036.02 chở Lương Minh H có biểu hiện nghi vận tàng trữ trái phép chất ma túy nên tiến hành dừng xe kiểm tra thì Lương Minh H có hành vi vứt hai gói chất bột màu trắng xuống cạnh đường gần xe mô tô G và H đang đỗ. Công an huyện Trảng Định đã thu giữ tang vật và đưa G và H về trụ sở Công an huyện để điều tra thì Lương Văn G và Lương Minh H khai nhận hai gói chất bột màu trắng bị thu giữ là ma túy.

Tại bản kết luận giám định số 47/KL - PC54, ngày 27/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Lạng Sơn kết luận: 02 gói chất bột màu trắng thu giữ của Lương Văn G và Lương Minh H có trọng lượng 0,189 gam, đều là chất ma túy Heroine.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H khai nhận: Khoảng 12 giờ trưa ngày 25/12/2018, G và H góp mỗi người 100.000 đồng mua 02 gói ma túy giá 100.000 đồng/gói với một người đàn ông không biết tên, tuổi, tại địa chỉ tại ngã tư thuộc khu 3, thị trấn K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn mang về xẻ ra sử dụng và bán lại cho người nghiện để kiếm lời. Khi mua được ma túy, cả hai đem ma túy về nhà Lương Văn G ở thôn B, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn để cất giữ. Đến 16 giờ cùng ngày, Lê Văn T gọi điện cho G hỏi mua 01 gói ma túy thì G đồng ý rồi bàn với H đem 02 gói ma túy vừa mua được lúc trưa ra chia thành 03 gói ma túy nhỏ và đem 01 gói ma túy đi bán cho Lê Văn T tại cầu treo, thôn N, xã C với giá 100.000 đồng. Sau đó, G quay về nhà được một lúc thì T lại gọi điện cho G và bảo có người hỏi mua hai gói ma túy đang đợi ở cầu K thuộc thôn N, xã C. G và H bàn nhau đem hai gói ma

túy còn lại đi bán để kiếm lợi nhuận rồi G cầm ma túy và lấy xe máy chở H đi đến đầu cầu K, thấy người đàn ông lạ mặt đứng ở cạnh đường, G đưa ma túy cho H để giao cho người đàn ông lạ mặt thì thấy Công an đến nên H vứt hai gói ma túy xuống cạnh đường thì bị lực lượng Công an phát hiện, bắt quả tang, còn người đàn ông lạ mặt bỏ chạy mất. Ngoài ra, Lương Văn G còn khai nhận, trước khi bị bắt, vào khoảng 08 giờ ngày 24/12/2017, G còn được bán ma túy cho Lê Văn T 01 gói ma túy giá 100.000 đồng.

Theo lời khai của G và H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định đã tiến hành triệu tập lấy lời khai của Lê Văn T thì T thừa nhận được mua chất ma túy với Lương Văn G 02 lần về sử dụng phù hợp với lời khai của Lương Văn G. Qua xem xét hành vi của Lê Văn T xét thấy chưa đến mức phải xử lý hình sự nên Công an huyện Trảng Định đã ra Quyết định xử lý hành chính bằng hình thức Cảnh cáo. Ngoài ra, Lê Văn T cũng thừa nhận, có số điện thoại lạ gọi cho T hỏi mua ma túy nên T đã gọi điện cho G để giới thiệu bán ma túy cho người này. Tuy nhiên, hành vi tiếp tay, giới thiệu để G, H bán ma túy cho người khác nhưng việc mua bán ma túy này chưa hoàn thành nên không có căn cứ để xử lý Lê Văn T đồng phạm về việc mua bán trái phép chất ma túy trong vụ án này. Đối với người đàn ông bán ma túy cho Lương Văn G và Lương Minh H tại khu 3, thị trấn K, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Do không biết tên, tuổi, địa chỉ nên Cơ quan điều tra không có cơ sở điều tra, xác minh làm rõ xử lý trong vụ án này.

Tại bản cáo trạng số 21/CT-VKSTĐ ngày 12/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đã truy tố bị cáo Lương Văn G về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; truy tố bị cáo Lương Minh H về tội: *“Mua bán trái phép chất ma túy”* theo quy định tại khoản 1, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên nội dung cáo trạng đã truy tố, sau khi đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, xem xét nguyên nhân, điều kiện hoàn cảnh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử như sau:

Về tội danh: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H phạm tội *“Mua bán trái phép chất ma túy”*.

Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm p, khoản 1, Điều 46, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lương Văn G từ 07 năm đến 07 năm 06 tháng tù giam.

- Áp dụng khoản 1, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999; điểm p, khoản 1, Điều 46, Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Lương Minh H từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù giam.

- Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1, Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 02 gói chất ma túy heroine, cùng 04 giấy nhỏ kích thước 02cm x 02 cm và 01 mảnh giấy kẻ ô ly kích thước 13 cm x 16 cm; tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 100.000 đồng thu giữ của bị cáo Lương Văn G là tiền bị cáo bán ma túy có được; tịch thu hóa giá sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT F50 thu giữ của bị cáo Lương Văn G; trả lại cho bị cáo Lương Minh H 01 điện thoại di động NOKIA N1280 do không liên quan đến hành vi phạm tội; đối với chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-036.02 của ông Lương Văn C không liên quan đến việc phạm tội cần được trả cho chủ sở hữu.

Tại phần tranh luận, các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H thừa nhận hành vi phạm tội của bản thân giống như nội dung bản cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đều không có ý kiến tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình và xã hội.

Tại phiên tòa, ông Lương Văn C trình bày chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE 12T1-036.02 đăng ký xe tên ông, do hai vợ chồng ông bà tiết kiệm tiền để mua xe. Ông và gia đình không biết việc bị cáo Lương Văn G dùng chiếc xe này vào việc phạm tội, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận trả lại chiếc xe mô tô cho gia đình ông quản lý, sử dụng làm phương tiện đi lại phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến Kiểm sát viên, bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trảng Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H khai nhận hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 25/12/2017; phù hợp với kết luận giám định số 47/KL-PC54, ngày 27/12/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Theo đó, có căn cứ để xác định được rằng: Hồi 16 giờ 00 phút, ngày 25/12/2017 tại đầu cầu K thuộc thôn N, xã C, huyện T, tỉnh Lạng Sơn. Công an huyện Trảng Định bắt quả tang Lương Văn G và Lương Minh H có hành vi tàng trữ trái phép hai gói chất ma túy Heroine, có tổng trọng lượng 0,189 gam. Qua điều tra xác định được mục đích mua ma túy của G và H về để sử dụng và bán kiếm lời. G và H đã bán cho Lê Văn T một gói ma túy 100.000đ tại cầu treo thuộc thôn N, xã C, huyện T. Ngoài ra Lương Văn G còn bán cho Lê Văn T một lần, một gói 100.000đ. Xét thấy, hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H được thực hiện trước ngày 01/01/2018 là ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành, và tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại Điều 194 của Bộ luật hình sự 1999 có hình phạt tương đương hình phạt quy định tại Điều 251 của Bộ luật hình sự năm 2015. Do đó, áp dụng Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội; Công văn số 04/TANDTC-PC ngày 09/01/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 41 của Quốc hội, có căn cứ để xác định bị cáo Lương Văn G đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, bị cáo Lương Minh H đã phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999. Vì vậy, cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Định,

tỉnh Lạng Sơn truy tố đối với bị cáo Lương Văn G về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, khoản 2, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999, truy tố bị cáo Lương Minh H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1, Điều 194 của Bộ luật hình sự năm 1999 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H là rất nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội. Bởi hành vi phạm tội của các bị cáo đã vi phạm chính sách pháp luật của Nhà nước về quản lý các chất ma túy, gieo rắc tệ nạn xã hội, gây tác hại xấu đến sức khỏe, làm suy thoái nòi giống, phẩm giá con người, gây mất ổn định an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội, gây hoang mang lo lắng trong quần chúng nhân dân. Trong vụ án này, các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H là đồng phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, các bị cáo chủ động và bàn bạc thực hiện việc đi mua ma túy về để chia nhỏ nhằm mục đích bán cho các đối tượng nghiện để kiếm lời. Bởi vậy đối với các bị cáo cần áp dụng mức hình phạt thật nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra để nhằm mục đích răn đe, giáo dục và phòng ngừa tội phạm. Để có mức án thỏa đáng đối với từng bị cáo, Hội đồng xét xử sẽ đánh giá về tính chất mức độ của hành vi phạm tội và nhân thân cũng như các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

[4] Bị cáo Lương Văn G tuy chưa có tiền án, tiền sự nhưng là đối tượng nghiện ma túy. Bản thân bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội của mình là nguy hiểm cho xã hội và đi ngược lại lợi ích của cộng đồng, nhưng do để có ma túy sử dụng và việc mua bán ma túy thu lại siêu lợi nhuận nên bị cáo vẫn bất chấp coi thường kỷ cương pháp luật của Nhà nước, lao vào con đường phạm tội mua bán ma túy để kiếm lời. Bị cáo đã bán ma túy cho Lê Văn T 02 lần nên hành vi của bị cáo là tình tiết tăng nặng định khung hình phạt. Với hành vi phạm tội của bị cáo nêu trên thấy rằng, cần để cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài đủ để làm bài học răn đe đối với những người khác. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội. Do đó, có căn cứ cho bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

[5] Đối với bị cáo Lương Minh H, là người có sức khỏe, có hiểu biết pháp luật, mặc dù biết được việc mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố tình cùng bị cáo G đi mua ma túy về thực hiện chia nhỏ ra để bán lại cho đối tượng nghiện nhằm có ma túy để sử dụng và kiếm tiền bất chính. Do đó, cũng cần phải có hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo để làm bài học răn đe đối với những người khác. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội, do vậy có căn cứ áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p, khoản 1, Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên về mức hình phạt đối với các bị cáo là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra nên được chấp nhận.

[6] Về hình phạt bổ sung: Tại các biên bản xác minh ngày 26/02/2018 của Công an huyện Trảng Định xác minh các bị cáo đều không có tài sản gì có giá trị, do đó, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999; khoản 2, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự, đối với tang vật bị tạm giữ là 02 gói ma túy, và 04 giấy nhỏ cùng 01 mảnh giấy kẻ ô ly, cần được tịch thu tiêu hủy; số tiền 100.000đ (Một trăm nghìn đồng) do phạm tội mà có, 01 điện thoại di động của G sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy cần tịch thu hóa giá xung công quỹ Nhà nước; chiếc điện thoại của Huế và chiếc xe mô tô biển kiểm soát 12T1-036.02 của ông Lương Văn C không liên quan đến việc phạm tội cần được trả cho chủ sở hữu.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, các bị cáo Lương Văn G và Lương Minh H bị kết án nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

[9] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1; điểm b, khoản 2, Điều 194; điểm p khoản 1, Điều 46; Điều 33, Điều 53 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Căn cứ vào các điểm a, b, khoản 1, Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 và các điểm a, b, c, đ, khoản 2, Điều 76 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Tuyên bố: Các bị cáo Lương Văn G và bị cáo Lương Minh H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm b, khoản 2, Điều 194, điểm p, khoản 1, Điều 46, các Điều 33, 55 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lương Văn G 07 (Bảy) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2017.

- Áp dụng khoản 1, Điều 194, điểm p, khoản 1, Điều 46, các Điều 33, 55 của Bộ luật hình sự năm 1999. Xử phạt bị cáo Lương Minh H 02 (Hai) năm tù giam. Thời hạn tù tính từ ngày 25/12/2017.

- Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

3. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong mẫu vật còn nguyên vẹn. Mặt trước có 02 dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Lạng Sơn và hai chữ ký cùng tên của Giám định viên Hoàng Mạnh H, Hoàng Đình C. Mặt sau có 04 dấu đỏ của Công an xã Chi Lăng, huyện Tràng Định và có các chữ ký cùng tên của những người tham gia niêm phong ở vị trí giáp lai, (bên trong phong bì có 0,148 gam heroine;

- Tịch thu tiêu hủy 04 giấy nhỏ kích thước 02cm X 02 cm và 01 mảnh giấy kẻ ô ly kích thước 13 cm X 16 cm;

- Tịch thu hóa giá sung công quỹ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu FPT F50 màu trắng màn hình cảm ứng, đã qua sử dụng;

- Trả lại cho bị cáo Lương Minh H 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đen, máy cũ đã qua sử dụng;

- Trả lại cho ông Lương Văn C 01 xe mô tô nhãn hiệu HONDA WAVE, Biển kiểm soát 12T1 – 036.02;

Các vật chứng trên đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tràng Định theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 17/5/2018 giữa Cơ quan

Cảnh sát điều tra Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn

- Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: Số tiền 100.000 đồng của bị cáo Lương Văn G do phạm tội mà có. *(Theo Ủy nhiệm chi lập ngày 17/5/2018 giữa Công an huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn).*

4. Án phí: Bị cáo Lương Văn G và bị cáo Lương Minh H bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng *(Hai trăm nghìn đồng)* án phí hình sự sơ thẩm để sung công quỹ Nhà nước.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 12/6/2018).

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- Sở Tư pháp tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Trảng Định;
- Công an huyện Trảng Định;
- CCTHADS huyện Trảng Định;
- UBND xã C;
- Bị cáo;
- NCQLNVLQ;
- Lưu hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(ĐÃ KÝ)

Hoàng Văn Khi